

Bản án số: 289/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2021
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Lý Chung.

2. Bà Trần Thị Hoài Ân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm: 1985; địa chỉ thường trú: đường CT, Phường MM, Quận X, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: đường TTH, Phường MB, Quận XI, Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Bửu T, sinh năm: 1985; địa chỉ: đường TTH, Phường MB, Quận XI, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Trần Kim N trình bày:

Bà N và ông Trần Bửu T tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn Giấy chứng nhận kết hôn số 81, Quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/9/2010.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn ở chung nhà. Nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Trần Bửu T.

Về con chung: có 01 con chung là trẻ Trần Nhã C, sinh ngày 08/7/2011. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Nhã C, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng phía bị đơn đã không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến đối với phía bị đơn được.

* Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn; tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành trình tự tố tụng đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đương sự có mặt tại phiên tòa trình bày, căn cứ vào nội dung tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Trần Bửu T nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Bửu T cư trú tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/6/2021. Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 08 giờ ngày 29/6/2021 và 08 giờ 30 ngày 12/7/2021, ông Trần Bửu T đã được thông báo về thời gian và địa điểm xét xử vụ án nêu trên nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Việc kết hôn giữa bà Trần Kim N và ông Trần Bửu T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn ở chung với nhau. Nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân nữa nên bà Trần Kim N yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Trần Bửu T.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân Gia đình: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên cuộc sống giữa bà N và ông T không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo về kết quả phiên hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông T đến Tòa án để giải quyết tranh chấp ly hôn nhưng ông T cố tình vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi những vấn đề bà N yêu cầu đã được ghi trong thông báo thụ lý vụ án, chứng tỏ ông T không quan tâm cũng không thiết tha đoàn tụ gia đình. Việc bà N yêu cầu ly hôn với ông T là chính đáng; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn với ông T của bà N.

[4] Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Nhã C (nữ), sinh ngày 08/7/2011, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân đến nay, bà N là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, nuôi con chung; nguyện vọng của trẻ Trần Nhã C được ở với bà N; ông T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến về việc chăm sóc con chung; do đó, cần tiếp tục giao trẻ Nhã C cho bà N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

Bà Trần Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Kim N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim N được ly hôn với ông Trần Bửu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 81, Quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/9/2010 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao trẻ Trần Nhã C (nữ), sinh ngày 08/7/2011 cho bà Trần Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Trần Bửu T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì quyền, lợi ích của con, việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng con chung có thể được thay đổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0052776 ngày 22/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoài